



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT

ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436

ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 21 tháng 4 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Tân
Ông Vũ Ngọc Tuấn
Ông Phạm Xuân Trinh
Ông Nguyễn Văn Miêng
Ông Nguyễn Xuân Vũ
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Bà Nguyễn Thị Khánh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Ngọc Tuấn
Ông Nguyễn Xuân Vũ
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Bà Nguyễn Thị Khánh
Ông Nguyễn Xuân Bình
Bà Bùi Minh Hạnh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 12/11/2024)
Giám đốc Điều hành

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng
Ông Đoàn Văn Dũng
Bà Phạm Thị Vân Hà

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu, Phường Năng Tĩnh
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Các điều kiện và sự kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty được thuyết minh đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Nam Định, ngày 31 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định ("Tổng Công ty") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 60.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00250-25-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Quốc Khánh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 5594-2025-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		370.700.513.819	473.336.912.679
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		29.525.501.514	10.086.519.712
Tiền	111	6	29.525.501.514	10.086.519.712
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.532.000.438	25.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	28.532.000.438	25.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		163.538.971.775	162.971.841.359
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	160.292.552.701	162.543.549.948
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.802.716.043	2.992.283.696
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	7.769.528.970	7.461.705.752
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(7.325.825.939)	(10.025.698.037)
Hàng tồn kho	140	11	140.351.833.583	268.987.312.482
Hàng tồn kho	141		147.953.256.082	281.758.382.176
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.601.422.499)	(12.771.069.694)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.752.206.509	5.591.239.126
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	1.749.717.303	669.221.639
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.930.221.689	4.922.017.487
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19	72.267.517	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		562.960.016.909	637.573.167.427
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.257.082.133	1.514.527.334
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	7.457.082.133	4.714.527.334
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Tài sản cố định	220		479.510.624.464	544.125.366.728
Tài sản cố định hữu hình	221	12	463.152.611.947	522.907.579.552
Nguyên giá	222		1.200.271.648.024	1.249.150.711.744
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(737.119.036.077)	(726.243.132.192)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	15.475.363.622	21.091.787.176
Nguyên giá	225		19.785.906.253	30.680.191.724
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.310.542.631)	(9.588.404.548)
Tài sản cố định vô hình	227	14	882.648.895	126.000.000
Nguyên giá	228		1.517.544.000	660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(634.895.105)	(534.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	15	5.118.669.587	5.811.905.951
Nguyên giá	231		17.955.138.931	17.955.138.931
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.836.469.344)	(12.143.232.980)
Tài sản dở dang dài hạn	240		18.166.093.664	17.853.601.700
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	18.166.093.664	17.853.601.700
Đầu tư tài chính dài hạn	250		46.419.254.611	54.735.386.889
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(b)	42.174.817.724	50.186.831.889
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(b)	2.744.436.887	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(a)	1.500.000.000	3.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		9.488.292.450	13.532.378.825
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	8.898.788.173	13.529.618.763
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		589.504.277	2.760.062
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		933.660.530.728	1.110.910.080.106

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		873.560.627.952	949.354.648.247
Nợ ngắn hạn	310		609.808.059.468	646.684.616.457
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	55.282.021.255	89.457.031.169
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.606.703.457	5.028.580.772
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	1.139.430.543	2.226.356.871
Phải trả người lao động	314		6.568.760.234	13.615.750.263
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	3.519.570.738	2.942.378.145
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		528.145.242	558.145.242
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	7.547.461.135	7.601.441.189
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22(a)	530.413.214.428	524.546.214.218
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	202.752.436	708.718.588
Nợ dài hạn	330		263.752.568.484	302.670.031.790
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		8.139.166.691	8.667.311.933
Phải trả dài hạn khác	337		229.833.822	831.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	255.383.567.971	293.170.796.035
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		60.099.902.776	161.555.431.859
Vốn chủ sở hữu	410	24	60.099.902.776	161.555.431.859
Vốn cổ phần	411	25	156.399.760.000	156.399.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		156.399.760.000	156.399.760.000
Cổ phiếu quỹ	415		(12.175.488)	(12.175.488)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	96.374.351.760	96.374.351.760
Lỗi lũy kế	421		(200.548.151.143)	(103.915.038.630)
- (Lỗi lũy kế)/LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(104.005.715.108)	29.518.796.002
- Lỗi năm nay	421b		(96.542.436.035)	(133.433.834.632)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.886.117.647	12.708.534.217
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		933.660.530.728	1.110.910.080.106

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:


Nguyễn Thị Kim Oanh
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Đinh Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1.409.844.346.523	1.488.051.769.085
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	1.389.574.847.381	1.511.291.363.546
Lợi nhuận/(lỗ) gộp gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		20.269.499.142	(23.239.594.461)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	24.164.932.335	36.494.739.657
Chi phí tài chính	22	31	83.030.919.912	96.763.877.064
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		59.407.063.097	60.657.739.640
Phần lãi trong công ty liên kết	24	7(b)	2.276.168.133	3.571.135.479
Chi phí bán hàng	25	32	16.435.685.304	14.616.677.525
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	46.065.008.798	38.736.192.079
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(98.821.014.404)	(133.290.465.993)
Thu nhập khác	31		3.202.296.165	1.294.206.877
Chi phí khác	32		451.148.086	327.297.334
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.751.148.079	966.909.543
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(96.069.866.325)	(132.323.556.450)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	740.972.701	457.226.504
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	(586.744.215)	155.728.099
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(96.224.094.811)	(132.936.511.053)
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		(96.542.436.035)	(133.433.834.632)
Cổ đông không kiểm soát	62		318.341.224	497.323.579
Lỗ trên cổ phiếu				
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	36	(6.179)	(8.532)

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Kim Oanh
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Đinh Thị Thu Hường
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ trước thuế	01	(96.069.866.325)	(132.323.556.450)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	64.317.267.628	65.651.106.457
Các khoản dự phòng	03	(7.869.519.293)	(21.657.987.345)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	12.136.817.480	5.299.734.228
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.974.125.639)	(6.830.638.390)
Chi phí lãi vay	06	59.407.063.097	60.657.739.640
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	25.947.636.948	(29.203.601.860)
Biến động các khoản phải thu	09	(1.430.916.336)	44.961.458.772
Biến động hàng tồn kho	10	128.590.581.251	112.942.425.617
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(17.554.473.824)	(65.048.729.326)
Biến động chi phí trả trước	12	(592.677.847)	211.966.946
		134.960.150.192	63.863.520.149
Tiền lãi vay đã trả	14	(58.319.098.256)	(55.648.264.096)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.788.973.673)	(327.560.882)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(258.955.000)	(832.436.745)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	74.593.123.263	7.055.258.426
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(17.050.566.452)	(55.120.001.786)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	2.750.725.462	14.324.671.277
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(3.320.000.000)	(4.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	2.500.000.000	1.200.000.000
Tiền thuần thu hồi từ thoái vốn tại công ty con và các công ty liên kết	26	2.535.775.514	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	863.405.070	5.395.276.933
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.720.660.406)	(38.400.053.576)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.106.937.848.253	1.288.769.374.966
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.146.273.901.237)	(1.262.335.352.155)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(4.186.831.887)	(4.440.114.843)
Tiền trả cổ tức	36	(12.485.000)	(4.330.240.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(43.535.369.871)	17.663.667.968
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	19.337.092.986	(13.681.127.182)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	10.086.519.712	23.417.844.228
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	101.888.816	349.802.666
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	29.525.501.514	10.086.519.712

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:


 Nguyễn Thị Kim Oanh
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:


 Đinh Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng


 Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; và
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bưu chính viễn thông.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con là năm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 4 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2024: 4 công ty con và 4 công ty liên kết), được liệt kê như sau:

STT	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết		
		31/12/2024	1/1/2024	
Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	Sản xuất và mua bán bông, sợi, vải, sợi, quần áo, vật tư và nguyên phụ liệu ngành dệt may.	52,52%	52,52%
2	Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	Sản xuất, mua bán chăn, vải, sợi, len, sản phẩm từ sợi len và quần áo may sẵn.	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh các loại khăn, quần áo, vải và sợi.	62,58%	62,58%
4	Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định (i)	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	100%	-
Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu hoặc đi thuê.	36,92%	36,92%
2	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	Sản xuất sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.	45,97%	45,97%
3	Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định (ii)	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	26,00%	53,46%
4	Công ty Cổ phần May 1 Dệt May Nam Định (ii)	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	-	36,00%
5	Công ty Cổ phần May 5 Dệt May Nam Định (ii)	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	-	36,00%

(i) Đây là một công ty con mới được thành lập trong năm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT-DMNĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty.

(ii) Trong năm 2024, Tổng Công ty hoàn thành việc bán cổ phần của các công ty này như trình bày tại Thuyết minh 4.

Các công ty con và các công ty liên kết của Tổng Công ty được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty và các công ty con có 937 nhân viên (1/1/2024: 1.573 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tổng Công ty và các công ty con có khoản lỗ thuần hợp nhất sau thuế trong năm là 96.224 triệu VND (2023: lỗ thuần sau thuế hợp nhất là 132.937 triệu VND). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 239.108 triệu VND (1/1/2024: 173.348 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty và các công ty con có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 22(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc công ty mẹ của Tổng Công ty tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty và các công ty con có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng công ty mẹ sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tổng Công ty dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty và các công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 3 – 63 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 30 năm |
| ▪ thiết bị, dụng cụ quản lý | 5 – 15 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 50 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trả trước của hợp đồng thuê đất.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định pháp luật hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(iii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 3 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá hàng bán.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty và các công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Trong năm, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty được lập theo lĩnh vực kinh doanh và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tổng Công ty được lập theo khu vực địa lý.

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ trên việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ. Ban Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh phát sinh trên 10% tổng doanh thu hợp nhất là một bộ phận cần được báo cáo.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ trên vị trí của khách hàng. Ban Giám đốc đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu hợp nhất là một bộ phận cần được báo cáo.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong năm trước.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty và các công ty con

Bán cổ phần của các công ty con và công ty liên kết

Theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT-DMNĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty thống nhất thông qua việc thoái vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần May IV - Dệt May Nam Định, Công ty Cổ phần May 1 - Dệt May Nam Định và Công ty Cổ phần May 5 - Dệt May Nam Định.

Trong năm 2024, Tổng Công ty hoàn thành việc bán cổ phần của các công ty con và công ty liên kết nêu trên như sau:

- Bán 27,46 % vốn cổ phần của Công ty Cổ phần May IV - Dệt May Nam Định. Theo đó, công ty con này trở thành công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 7(b).
- Bán 26,00 % vốn cổ phần của Công ty Cổ phần May 1 - Dệt May Nam Định. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết này trở thành khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như được trình bày tại Thuyết minh 7(b).
- Bán 26,00 % vốn cổ phần của Công ty Cổ phần May 5 - Dệt May Nam Định. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết này trở thành khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như được trình bày tại Thuyết minh 7(b).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Việc thoái vốn tại công ty con có ảnh hưởng đối với tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty và các công ty con vào ngày bán cổ phần như sau:

	Công ty con VND
Tiền các khoản tương đương tiền	7.743.714.486
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.610.145.503
Hàng tồn kho	5.214.544.843
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	205.797.865
Tài sản cố định hữu hình	11.982.026.981
Chi phí trả trước dài hạn	1.765.121.385
Phải trả người bán ngắn hạn	(2.892.270.643)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(4.151.998.856)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(9.581.866)
Phải trả người lao động	(7.805.200.838)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(12.145.205)
Phải trả ngắn hạn khác	(107.644.550)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(2.200.000.000)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(2.000.000.000)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(373.441.240)
Giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày mất quyền kiểm soát	10.969.067.865
Lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty con tại ngày mất quyền kiểm soát	(5.105.004.184)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết (trước đó là công ty con) ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 7(b))	(2.851.957.645)
Giá trị tài sản thuần chuyển nhượng	3.012.106.036
Lãi từ bán cổ phần tại công ty con	736.183.964
Tiền thu từ bán cổ phần tại công ty con	3.748.290.000
Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mất quyền kiểm soát	(7.743.714.486)
Tiền thuần giảm do thoái vốn tại công ty con	(3.995.424.486)

Việc thoái vốn tại các công ty liên kết có ảnh hưởng đối với tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty và các công ty con vào ngày bán cổ phần như sau:

	Các công ty liên kết VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày bán cổ phần	8.074.971.943
Giá gốc của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trước đó là các công ty liên kết) (Thuyết minh 7(b))	(1.395.881.887)
Giá trị tài sản thuần chuyển nhượng	6.679.090.056
Lỗ từ bán cổ phần tại các công ty liên kết	(147.890.056)
Tiền thu được từ bán cổ phần tại các công ty liên kết	6.531.200.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Vải		Sợi		Thành phẩm may mặc	Các bộ phận khác		Loại trừ nội bộ	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	156.687.579	926.651.165	197.963.988	128.541.615	-	1.409.844.347	-	-	-
Doanh thu giữa các bộ phận	6.008.617	5.238.169	27.742.043	30.970.854	(69.959.683)	-	-	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	162.696.196	931.889.334	225.706.031	159.512.469	(69.959.683)	1.409.844.347	-	-	-
Kết quả kinh doanh của bộ phận	828.333	(56.958.917)	44.731.147	31.668.936	-	20.269.499	-	-	-
Chi phí không phân bổ						(62.500.694)			
Doanh thu tài chính						24.164.932			
Chi phí tài chính						(83.030.920)			
Phần lãi trong công ty liên kết						2.276.168			
Kết quả hoạt động khác						2.751.148			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(154.228)			
Lỗ sau thuế TNDN						(96.224.095)			

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Vãi		Sợi		Thành phẩm may mặc		Các bộ phận khác		Loại trừ nội bộ		Tổng cộng	
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	215.175.411	980.304.415	239.069.137	53.502.806	-	1.488.051.769						
Doanh thu giữa các bộ phận	9.237.484	32.218.322	51.013.766	37.008.123	(129.477.695)	-						
Tổng doanh thu của bộ phận	224.412.895	1.012.522.737	290.082.903	90.510.929	(129.477.695)	1.488.051.769						
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(4.288.540)	(89.405.558)	49.772.262	20.682.242	-	(23.239.594)						
Chi phí không phân bổ						(53.352.870)						
Doanh thu tài chính						36.494.740						
Chi phí tài chính						(96.763.877)						
Phần lãi trong công ty liên kết						3.571.136						
Kết quả hoạt động khác						966.909						
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(612.955)						
Lỗ sau thuế TNDN						(132.936.511)						

Handwritten signature in red ink.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	34.904.671	185.787.225	45.857.377	29.572.003	296.121.276
Khoản đầu tư vào công ty liên kết					42.174.818
Tài sản không phân bổ					595.364.437
Tổng tài sản					933.660.531
Tổng nợ phải trả					873.560.628

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	58.893.952	265.722.095	76.128.104	23.753.297	424.497.448
Khoản đầu tư vào công ty liên kết					50.186.832
Tài sản không phân bổ					636.225.800
Tổng tài sản					1.110.910.080
Tổng nợ phải trả					949.354.648

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chi tiêu vốn của bộ phận
Chi tiêu vốn không phân bổ
Khấu hao tài sản cố định
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ

	Thành phẩm may mặc		Các bộ phận khác		Tổng cộng Nghìn VND
	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	
	1.853.644	10.577.897	2.610.915	1.817.370	16.859.826
	6.399.200	36.517.310	9.013.473	8.128.516	190.740
					60.058.499
					4.258.769

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi tiêu vốn của bộ phận
Chi tiêu vốn không phân bổ
Khấu hao tài sản cố định
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ

	Thành phẩm may mặc		Các bộ phận khác		Tổng cộng Nghìn VND
	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	
	7.565.847	34.136.147	9.779.842	3.051.482	54.533.318
	8.384.450	37.829.585	10.837.995	4.160.553	586.684
					61.212.583
					4.438.523

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam;
- Trung Quốc; và
- Các vùng địa lý khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm kết thúc cùng ngày

Doanh thu thuần của bộ phận

Tài sản của bộ phận

- Tài sản của bộ phận phân bổ

- Giá trị còn lại tài sản không phân bổ

Chỉ tiêu vốn

Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
384.914.740	909.391.538	115.538.069	1.409.844.347
44.528.158	105.201.300	13.365.811	933.660.531
			163.095.269
			770.565.262
			17.050.566

Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
-----------------------------------	-----------------------	-------------------------	-----------------------

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm kết thúc cùng ngày

Doanh thu thuần của bộ phận

Tài sản của bộ phận

- Tài sản của bộ phận phân bổ

- Giá trị còn lại tài sản không phân bổ

Chỉ tiêu vốn

243.885.472	924.615.444	319.550.853	1.488.051.769
27.009.594	103.136.929	35.389.311	1.110.910.080
			165.535.834
			945.374.246
			55.120.002

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	1.247.005.139	2.584.035.064
Tiền gửi ngân hàng	28.278.496.375	7.502.484.648
	29.525.501.514	10.086.519.712

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	28.532.000.438	(*)	25.700.000.000	(*)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu (ii)	1.500.000.000	(*)	3.200.000.000	(*)

- (i) Khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng, hưởng lãi suất dao động từ 4,2% đến 7%/năm (1/1/2024: từ 4,8% đến 7%/năm).
- (ii) Khoản trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành bằng VND, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào năm 2029 và hưởng lãi suất 4,2%/năm (1/1/2024: 4,7%/năm).
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết và đơn vị khác

	31/12/2024				1/1/2024			
	Số lượng	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số lượng	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết								
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	2.532.584	36,92%	(*)	24.389.019.360	2.532.584	36,92%	28.188.665.718	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.379.100	45,97%	(*)	14.933.840.719	1.379.100	45,97%	14.315.370.220	(*)
• Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	195.000	26,00%	(*)	2.851.957.645	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần May 1 Dệt May Nam Định	-	-	-	-	304.517	36,00%	4.801.463.292	(*)
• Công ty Cổ phần May 5 Dệt May Nam Định	-	-	-	-	198.000	36,00%	2.881.332.659	(*)
				42.174.817.724			50.186.831.889	
Đơn vị khác								
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	107.079	0,002%	4.047.586.200	1.348.555.000	107.079	0,002%	1.348.555.000	2.901.840.900
• Công ty Cổ phần May 1 Dệt May Nam Định	75.000	10,00%	(*)	845.881.887	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần May 5 Dệt May Nam Định	55.000	10,00%	(*)	550.000.000	-	-	-	-
				2.744.436.887			1.348.555.000	

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	50.186.831.889	48.889.856.410
Tăng trong năm từ thoái vốn một công ty con (Thuyết minh 4)	2.851.957.645	-
Phần lãi trong các công ty liên kết	2.276.168.133	3.571.135.479
Cổ tức được nhận	(5.065.168.000)	(2.274.160.000)
Thoái vốn tại các công ty liên kết	(8.074.971.943)	-
Số dư cuối năm	42.174.817.724	50.186.831.889

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	67.176.229.100	84.918.702.921
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	103.588.738	-
Bên khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	14.220.742.775	6.813.664.110
Shanta Expressions Ltd	10.886.741.520	-
Islam Knit Designs Ltd	8.249.956.740	-
Các khách hàng khác	59.655.293.828	70.811.182.917
Tổng cộng	160.292.552.701	162.543.549.948

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên kết không có tài sản đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất là 6,9%/năm (1/1/2024: 8,7%/năm) khi quá hạn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải thu công ty liên kết	5.065.168.000	-
Phải thu các công ty liên kết về tiền đất cho thuê	50.290.427	-
Ký cược, ký quỹ	152.907.000	3.699.247.000
Phải thu Kho bạc Nhà nước	-	2.448.642.181
Phải thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	419.271.573	561.683.672
Phải thu khác	2.081.891.970	752.132.899
	7.769.528.970	7.461.705.752

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	5.065.168.000	-
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	50.290.427	-
	5.115.458.427	-

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ký quỹ, ký cược	3.278.379.000	-
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (*)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	978.703.133	1.514.527.334
	7.457.082.133	4.714.527.334

(*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng (Thuyết minh 10).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2024				1/1/2024			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thành Vín	Trên 5 năm	4.944.999.999	(4.944.999.999)	-	Trên 4 năm	4.944.999.999	(4.944.999.999)	-
Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam	Trên 6 năm	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-	Trên 5 năm	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Từ 2 - 3 năm Trên 3 năm	-	-	-	Trên 4 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Các đối tượng khác		539.789.728	(377.852.811)	-	Từ 1 - 2 năm	18.089.415	(9.044.708)	9.044.707
Các đối tượng khác		2.002.973.129	(2.002.973.129)	161.936.917	Từ 2 - 3 năm	571.841.703	(400.289.192)	171.552.511
Các đối tượng khác				-	Trên 3 năm	1.788.304.773	(1.788.304.773)	-
		10.687.762.856	(10.525.825.939)	161.936.917		13.406.295.255	(13.225.698.037)	180.597.218

Trong đó:

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

(10.025.698.037)
(3.200.000.000)

(13.225.698.037)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Hàng tồn kho

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	25.025.160.459	(3.106.905.342)	23.598.213.789	(537.824.343)
Nguyên vật liệu	42.614.565.642	(4.494.517.157)	84.419.108.286	(1.795.361.408)
Công cụ và dụng cụ	40.344.369	-	120.357.398	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.687.104.072	-	14.043.704.822	(127.726.551)
Thành phẩm	43.128.043.369	-	133.234.512.630	(10.252.669.652)
Hàng hóa	17.162.496.028	-	26.342.485.251	(57.487.740)
Hàng gửi bán	7.295.542.143	-	-	-
	147.953.256.082	(7.601.422.499)	281.758.382.176	(12.771.069.694)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	337.819.978.030	850.775.099.688	57.011.354.804	3.544.279.222	1.249.150.711.744
Tăng trong năm	-	2.025.436.525	-	-	2.025.436.525
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	6.213.758.600	190.740.741	-	6.404.499.341
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình					
thuê tài chính	-	10.894.285.471	-	-	10.894.285.471
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	2.205.888.020	-	-	2.205.888.020
Thanh lý	-	(40.073.764.824)	(564.029.258)	(32.429.500)	(40.670.223.582)
Thoái vốn công ty con	(15.811.343.669)	(12.429.213.099)	(1.498.392.727)	-	(29.738.949.495)
Số dư cuối năm	322.008.634.361	819.611.490.381	55.139.673.560	3.511.849.722	1.200.271.648.024
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	141.003.216.313	546.590.839.337	36.377.600.369	2.271.476.173	726.243.132.192
Khấu hao trong năm	15.036.297.178	42.474.427.678	3.890.505.605	267.367.506	61.668.597.967
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình					
thuê tài chính	-	6.960.396.741	-	-	6.960.396.741
Thanh lý	-	(39.399.709.551)	(564.029.258)	(32.429.500)	(39.996.168.309)
Thoái vốn công ty con	(8.119.388.542)	(8.474.244.151)	(1.163.289.821)	-	(17.756.922.514)
Số dư cuối năm	147.920.124.949	548.151.710.054	38.540.786.895	2.506.414.179	737.119.036.077
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	196.816.761.717	304.184.260.351	20.633.754.435	1.272.803.049	522.907.579.552
Số dư cuối năm	174.088.509.412	271.459.780.327	16.598.886.665	1.005.435.543	463.152.611.947



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 245.989 triệu VND (1/1/2024: 276.967 triệu VND) đã khấu hao hết và đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 400.083 triệu VND (1/1/2024: 431.533 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 22).

13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	30.680.191.724
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.894.285.471)
Số dư cuối năm	19.785.906.253
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	9.588.404.548
Khấu hao trong năm	1.682.534.824
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.960.396.741)
Số dư cuối năm	4.310.542.631
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	21.091.787.176
Số dư cuối năm	15.475.363.622

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	660.000.000
Tăng trong năm	382.544.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	475.000.000
Số dư cuối năm	1.517.544.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	534.000.000
Khấu hao trong năm	100.895.105
Số dư cuối năm	634.895.105
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	126.000.000
Số dư cuối năm	882.648.895

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	17.955.138.931
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	12.143.232.980
Khấu hao trong năm	693.236.364
Số dư cuối năm	12.836.469.344
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.811.905.951
Số dư cuối năm	5.118.669.587

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	17.853.601.700	36.266.360.950
Tăng trong năm	7.191.991.305	32.551.432.626
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.404.499.341)	(46.805.547.456)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(475.000.000)	-
Chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	-	(1.254.997.201)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(68.888.515)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.772.281.977)
Thanh lý	-	(1.051.500.000)
Xóa sổ	-	(10.976.727)
Số dư cuối năm	18.166.093.664	17.853.601.700

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
San nền và giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Hòa Xá (*)	12.840.234.565	12.840.234.565
Dự án Nhà máy May Yên Bình (**)	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	312.491.964	-
	18.166.093.664	17.853.601.700

(*) Đây là chi phí thực hiện san nền và giải phóng mặt bằng lô đất số S1, S2 và một phần lô S3, S4, S5, S7 ở Khu Công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định. Theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định, Tổng Công ty phải thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Tổng Công ty đang làm việc với Công ty mẹ về phương án di dời và Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định đã có Công văn đề nghị các bên liên quan phối hợp, tạo điều kiện cho Tổng Công ty thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá.

(**) Đây là chi phí xây dựng Nhà máy May Yên Bình tại Xã Yên Bình, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định. Hiện nay, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định đã ban hành quyết định thu hồi khu đất và giao cho Ủy ban Nhân dân Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định thực hiện đấu giá khu đất và tài sản gắn liền trên đất. Tổng Công ty sẽ nhận được một phần khoản tiền thu được từ việc bán đấu giá này khi việc bán đấu giá được hoàn tất. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Ủy ban Nhân dân Huyện Ý Yên đang trong quá trình thực hiện việc đấu giá tài sản này theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công cụ và dụng cụ	633.380.664	432.628.987
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.116.336.639	236.592.652
	1.749.717.303	669.221.639

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.729.788.328	11.313.921.627	485.908.808	13.529.618.763
Tăng trong năm	-	6.850.313.296	323.400.000	7.173.713.296
Phân bổ trong năm	(172.003.368)	(7.317.313.613)	(344.217.500)	(7.833.534.481)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(2.205.888.020)	-	(2.205.888.020)
Thoái vốn công ty con	(1.476.802.846)	(279.004.559)	(9.313.980)	(1.765.121.385)
	80.982.114	8.362.028.731	455.777.328	8.898.788.173

Số dư cuối năm



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	4.763.853.764	-
Bên khác		
Công ty TNHH Hóa Phẩm Thịnh Phát	8.861.487.552	7.539.505.197
Kangwal Polyester Co.,Ltd.	7.741.953.000	5.231.702.617
CDI Cotton Distributors Inc	4.252.197.420	-
Các nhà cung cấp khác	29.662.529.519	76.685.823.355
	55.282.021.255	89.457.031.169

Khoản phải trả thương mại đối với bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	1/1/2024		Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	Thoái vốn công ty con VND	31/12/2024	
	Khoản phải thu VND	Khoản phải nộp VND				Khoản phải thu VND	Khoản phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	361.268.831	33.258.290.236	(33.330.028.372)	-	-	289.530.695
Thuế nhập khẩu	-	-	266.954.271	(266.954.271)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.830.360.762	740.972.701	(1.788.973.673)	(9.581.866)	(62.267.280)	835.045.204
Thuế thu nhập cá nhân	-	21.667.998	294.723.429	(325.540.078)	-	(10.000.237)	851.586
Thuế tài nguyên	-	13.059.280	145.446.332	(144.502.554)	-	-	14.003.058
Tiền thuê đất	-	-	6.554.738.386	(6.554.738.386)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	26.000.000	(26.000.000)	-	-	-
	-	2.226.356.871	41.287.125.355	(42.436.737.334)	(9.581.866)	(72.267.517)	1.139.430.543

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay	1.291.383.323	1.616.501.699
Chi phí điện, nước phải trả	2.193.123.908	834.965.000
Chi phí khác	35.063.507	490.911.446
	3.519.570.738	2.942.378.145

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	616.027.997	653.797.377
Cổ tức phải trả	1.483.905.250	1.496.390.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.322.425.228	5.329.226.261
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	125.102.660	122.027.301
	7.547.461.135	7.601.441.189

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2024		Biến động trong năm			31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Thoái vốn công ty con VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	482.274.775.795	1.101.490.222.503	(1.097.523.234.931)	3.732.287.557	(2.200.000.000)	487.774.050.924	
Vay dài hạn đến hạn trả	37.858.478.377	48.673.719.770	(48.750.666.306)	1.207.145.837	-	38.988.677.678	
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong 12 tháng	4.412.960.046	3.394.354.843	(4.186.831.887)	30.002.824	-	3.650.485.826	
	524.546.214.218	1.153.558.297.116	(1.150.460.733.124)	4.969.436.218	(2.200.000.000)	530.413.214.428	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan				
Vay thành viên Ban Giám đốc	VND	7,2%	-	1.000.000.000
Vay bên liên quan khác	VND	7%	4.626.230.159	1.059.000.000
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	4,2% - 4,95%	122.623.730.771	98.418.615.395
Vay ngân hàng 2	VND	6,25%	79.410.938.609	99.420.338.990
Vay ngân hàng 3	USD	4,0% - 4,4%	24.886.674.000	-
Vay ngân hàng 4	VND	6,4% - 6,4%	64.113.877.572	67.689.181.439
Vay ngân hàng 5	VND	6,5% - 6,6%	51.248.321.842	75.484.359.120
Vay ngân hàng 6	USD	5,5%	7.939.979.127	-
Vay ngân hàng 7	USD	7,0%	27.145.028.520	13.065.695.862
Vay ngân hàng 8	USD	5,4% - 5,86%	-	28.648.654.458
Vay ngân hàng 9	VND	6,79% - 8,24%	78.908.498.328	57.042.414.062
Vay ngân hàng 10	VND	9,3%	-	13.908.987.520
Vay nhân viên	VND	6% - 7,2%	26.870.771.996	26.537.528.949
			487.774.050.924	482.274.775.795

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con với giá trị còn lại là 91.402 triệu VND (1/1/2024: 111.946 triệu VND) (Thuyết minh 12).

Các khoản vay khác không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Vay dài hạn (i)	286.501.937.455	319.785.606.544
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	11.520.794.020	15.656.627.914
	298.022.731.475	335.442.234.458
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(42.639.163.504)	(42.271.438.423)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	255.383.567.971	293.170.796.035

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7,50%	2027	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	134.809.596.862	132.621.772.184
Vay thành viên Ban Giám đốc	VND	9%	2024	-	1.000.000.000
Vay bên liên quan khác (*)	VND	9,6%	2027	3.150.000.000	1.500.000.000
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 11 (***)	USD	10,1%	2027	51.348.158.590	70.338.297.744
Vay từ ngân hàng 12 (***)	VND	14,3%	2027	28.652.283.395	41.301.125.713
Vay từ ngân hàng 7	USD	5,2%	2024	-	427.573.785
Vay từ ngân hàng 13	VND	6,5%	2024	-	647.448.510
Vay từ ngân hàng 14 (****)	VND	7%	2028	3.542.510.000	-
Vay nhân viên	VND	9,6%	2024	-	6.950.000.000
				286.501.937.455	319.785.606.544

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 115.014 triệu VND (1/1/2024: 112.876 triệu VND) (Thuyết minh 12).

(***) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 187.548 triệu VND (1/1/2024: 206.711 triệu VND) (Thuyết minh 12).

(****) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.119 triệu VND (Thuyết minh 12).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2024			1/1/2024		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	4.427.684.291	777.198.465	3.650.485.826	5.231.169.094	818.209.048	4.412.960.046
Trong vòng hai đến năm năm	8.644.814.921	774.506.727	7.870.308.194	12.551.105.424	1.307.437.556	11.243.667.868
	13.072.499.212	1.551.705.192	11.520.794.020	17.782.274.518	2.125.646.604	15.656.627.914

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	708.718.588	1.198.373.226
Trích lập trong năm	126.430.088	342.782.107
Sử dụng trong năm	(258.955.000)	(832.436.745)
Thoái vốn công ty con	(373.441.240)	-
Số dư cuối năm	202.752.436	708.718.588

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	156.399.760.000	(12.175.488)	96.374.351.760	29.836.655.797	12.236.132.950	294.834.725.019
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(133.433.834.632)	497.323.579	(132.936.511.053)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(317.859.795)	(24.922.312)	(342.782.107)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	156.399.760.000	(12.175.488)	96.374.351.760	(103.915.038.630)	12.708.534.217	161.555.431.859
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(96.542.436.035)	318.341.224	(96.224.094.811)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(90.676.478)	(35.753.610)	(126.430.088)
Thoái vốn công ty con	-	-	-	-	(5.105.004.184)	(5.105.004.184)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	156.399.760.000	(12.175.488)	96.374.351.760	(200.548.151.143)	7.886.117.647	60.099.902.776

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.639.976	156.399.760.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	Tỷ lệ (%)	31/12/2024 và 1/1/2024	
		Số lượng cổ phần	Vốn cổ phần VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	53,67	8.394.655	83.946.550.000
Các cổ đông khác	46,33	7.245.321	72.453.210.000
	100,00	15.639.976	156.399.760.000

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	45.201.572.167	47.152.719.167
	54.957.307.167	56.908.454.167

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	261.769	6.619.452.191	53.326	1.280.937.516
EUR	450	11.724.714	450	11.738.650
		6.631.176.905		1.292.676.166

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Kaisui – Dệt May	Dừng hoạt động	2024	38.141.390	-
Công ty TNHH Xuân Quyết	Dừng hoạt động	2024	39.376.277	-
Công ty TNHH Thương mại Đức Bồn	Dừng hoạt động	2024	82.768.508	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Dừng hoạt động	2024	2.883.059.365	-
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu và Thương mại Dịch vụ Xuân Hồng	Dừng hoạt động	2024	135.535.654	-
			3.178.881.194	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2024 VND	2023 VND
Bán hàng	1.214.678.484.501	1.336.267.212.314
Dịch vụ gia công	157.614.290.527	104.732.203.458
Dịch vụ khác	30.745.166.192	40.581.852.200
Cho thuê bất động sản đầu tư	6.806.405.303	6.470.501.113
	1.409.844.346.523	1.488.051.769.085

29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2024 VND	2023 VND
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	1.213.325.502.755	1.384.599.779.385
Dịch vụ gia công đã cung ứng	146.885.855.807	104.125.009.921
Dịch vụ khác đã cung ứng	30.953.904.132	40.684.013.907
Bất động sản đầu tư cho thuê	3.579.231.882	3.561.694.272
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.169.647.195)	(21.679.133.939)
	1.389.574.847.381	1.511.291.363.546

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi và trái phiếu	1.032.993.409	2.135.340.605
Khoản hỗ trợ nhận được từ công ty liên kết	712.500.000	1.000.000.000
Lãi do người mua chậm trả	3.907.116.049	4.149.926.999
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.924.028.969	29.209.472.053
Lãi thoái vốn công ty con và công ty liên kết	588.293.908	-
	24.164.932.335	36.494.739.657

31. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	59.407.063.097	60.657.739.640
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.487.039.335	30.806.403.196
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.136.817.480	5.299.734.228
	83.030.919.912	96.763.877.064

32. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí vận chuyển	3.756.966.512	3.558.773.568
Chi phí lương nhân viên	3.196.670.166	3.317.703.294
Chi phí đại lý bán hàng	3.849.143.794	5.010.052.470
Chi phí xuất khẩu	3.270.628.451	2.528.231.456
Chi phí bán hàng khác	2.362.276.381	201.916.737
	16.435.685.304	14.616.677.525

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương nhân viên	28.670.170.335	19.419.396.649
Dự phòng phải thu khó đòi	479.009.096	21.146.594
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.336.699.313	4.346.803.278
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.579.130.054	14.948.845.558
	46.065.008.798	38.736.192.079

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	522.712.618.339	617.981.745.162
Chi phí nhân công	153.544.356.429	137.863.627.893
Chi phí khấu hao và phân bổ	64.317.267.628	65.651.106.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.966.058.081	182.502.980.074
Chi phí khác	46.145.467.667	33.091.146.853
	977.685.768.144	1.037.090.606.439

35. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	740.972.701	387.340.105
Dự phòng thiếu các năm trước	-	69.886.399
	740.972.701	457.226.504
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(586.744.215)	155.728.099
	154.228.486	612.954.603

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2024 VND	2023 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(96.069.866.325)	(132.323.556.450)
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	(19.213.973.265)	(26.464.711.290)
Chi phí không được khấu trừ thuế	949.224.971	11.909.230.210
Thu nhập không bị tính thuế	(1.013.033.600)	(454.832.000)
Ảnh hưởng của phần lãi được chia từ các công ty liên kết	(455.233.627)	(714.227.096)
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	9.547.049.626	-
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trên	10.340.194.381	16.267.608.380
lỗi tính thuế chưa ghi nhận	-	69.886.399
Dự phòng thiếu các năm trước	-	69.886.399
	154.228.486	612.954.603

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời	70.960.865.643	14.192.173.129	25.270.480.145	5.054.096.029
Lỗi tính thuế	133.039.013.805	26.607.802.761	81.338.041.900	16.267.608.380
	203.999.879.448	40.799.975.890	106.608.522.045	21.321.704.409

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	81.338.041.900
2029	Chưa quyết toán	51.700.971.905
		133.039.013.805

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong năm sau VND
2025	18.245.190.035
2027	4.980.427.481
2029	47.735.248.127
	70.960.865.643

Ngoại trừ khoản chi phí lãi vay và lỗ tính thuế sẽ được khấu trừ trong những kỳ xác định nêu trên, theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

36. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông sau điều chỉnh trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

	2024 VND	2023 VND
Lỗ thuần thuộc về các cổ đông của Tổng Công ty (VND)	(96.633.112.513)	(133.433.834.632)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	15.639.976	15.639.976
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(6.179)	(8.532)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	46.931.903.710	16.613.760.299
Mua hàng hóa và dịch vụ	51.765.789.935	16.438.558.390
Hoàn trả khoản vay	3.758.855.832	3.208.739.710
Chi phí lãi vay	4.562.422.832	4.549.957.195
Lãi vay phát sinh trên khoản cho vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	9.632.143.315	9.194.707.732
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.854.436.594	11.938.534.364
Mua hàng hóa	3.035.299.000	9.383.840.477
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Cổ tức	5.065.168.000	2.274.160.000
Nhận hỗ trợ	712.500.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	439.358.618.702	458.866.788.882
Mua hàng hóa	379.936.821.564	361.168.916.119
Thu nhập lãi trả chậm	2.928.378.988	4.149.926.999
Thu nhập khác (rác thải công nghiệp)	22.750.000	44.800.000
Thu về thanh lý tài sản	-	227.772.720
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng – Hasinomex		
- công ty con trong cùng Tập đoàn		
Cung cấp hàng hóa	2.812.536.636	2.449.114.143
Mua hàng hóa	19.576.800	-
Công Ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
- công ty con trong cùng Tập đoàn		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.508.847.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.324.915.137	-
Thuê tài sản	93.333.334	-
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
- công ty con trong cùng Tập đoàn		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.335.251.598	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.323.603.045	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
<i>Công ty Cổ phần May 1 Dệt May Nam Định</i>		
Cung cấp dịch vụ	7.470.470.048	9.203.344.902
Mua hàng hóa	8.053.776.000	9.282.864.100
Bán máy móc, thiết bị	-	44.524.164
<i>Công ty Cổ phần May 5 Dệt May Nam Định</i>		
Bán hàng hóa	1.387.457.232	5.232.627.240
Mua hàng hóa	-	3.896.650.000
Nhận tiền vay	-	2.000.000.000
Hoàn trả khoản vay	-	2.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	12.096.774
<i>Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc</i>		
Nhận tiền vay	-	1.000.000.000
Hoàn trả khoản vay	2.000.000.000	320.000.000
Chi phí lãi vay	180.186.301	190.200.000
<i>Bà Nguyễn Thị Khánh - Phó Tổng Giám đốc</i>		
Tiền thu từ bán cổ phần của một công ty liên kết	3.507.600.000	-
<i>Bà Trần Thị Chi Mai - cá nhân là bên liên quan</i>		
Nhận tiền vay	1.500.000.000	1.500.000.000
Chi phí lãi vay	218.856.986	162.000.000
<i>Ông Vũ Ngọc Tú - cá nhân là bên liên quan</i>		
Nhận tiền vay	800.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	12.664.110	-
<i>Ông Vũ Mạnh Quân - cá nhân là bên liên quan</i>		
Nhận tiền vay	2.440.000.000	100.000.000
Hoàn trả khoản vay	100.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	55.852.274	275.410
<i>Bà Trần Thị Đào - cá nhân là bên liên quan</i>		
Nhận tiền vay	660.000.000	250.000.000
Hoàn trả khoản vay	250.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	19.765.479	14.229.508
<i>Bà Trần Thị Gái - cá nhân là bên liên quan</i>		
Nhận tiền vay	40.000.000	356.000.000
Hoàn trả khoản vay	356.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	737.753	9.130.623

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Bà Nguyễn Thị Oanh - cá nhân là bên liên quan		
Nhận tiền vay	237.000.000	85.000.000
Hoàn trả khoản vay	85.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	4.479.584	1.702.295
Bà Nguyễn Hải Hà - cá nhân là bên liên quan		
Nhận tiền vay	130.000.000	118.000.000
Hoàn trả khoản vay	118.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	5.829.041	1.937.705
Bà Hoàng Thị Tuệ - cá nhân là bên liên quan		
Nhận tiền vay	110.000.000	110.000.000
Hoàn trả khoản vay	110.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	4.795.397	2.791.475
Ông Đoàn Anh Đức - cá nhân là bên liên quan		
Nhận tiền vay	20.000.000	20.000.000
Hoàn trả khoản vay	20.000.000	-
Chi phí lãi vay nhập gốc	1.440.000	106.521
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Hội đồng Quản trị		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch	84.000.000	86.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên	60.000.000	62.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên	60.000.000	52.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên	60.000.000	52.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên	60.000.000	52.000.000
Ông Phạm Xuân Trinh – Thành viên	60.000.000	52.000.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Thành viên	60.000.000	52.000.000
Ban Giám đốc		
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc	440.682.275	413.283.875
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Phó Tổng Giám đốc	-	10.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc	353.549.657	343.250.436
Bà Nguyễn Thị Khánh – Phó Tổng Giám đốc	-	10.000.000
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành	311.791.955	292.737.005
Ban Kiểm soát		
Bà Trần Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	62.000.000
Ông Đoàn Văn Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	37.000.000
Bà Đặng Thanh Huyền – Thành viên Ban Kiểm soát	-	13.000.000
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	24.000.000



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2024 VND	2023 VND
Bù trừ khoản phải trả với khoản nhận hỗ trợ phải thu	712.500.000	1.000.000.000
Lãi tiền gửi nhập gốc	312.000.438	-
Bù trừ khoản phải thu với khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	3.278.379.000
Lãi vay nhập gốc	1.419.884.250	1.089.215.637

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:


Nguyễn Thị Kim Oanh
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Đinh Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Vu Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

